

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN HƯƠNG GIANG

THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT -MỘT SỐ VẤN
ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Chuyên ngành : Luật dân sự
Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Đăng Hiếu

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của giám đốc thẩm trong tổ tụng dân sự	6
1.1.1. Khái niệm giám đốc thẩm dân sự	6
1.1.2. Đặc điểm của giám đốc thẩm	9
1.1.3. Ý nghĩa của giám đốc thẩm trong tổ tụng dân sự	12
1.2. Cơ sở khoa học của các quy định về giám đốc thẩm trong tổ tụng dân sự	13
1.2.1. Cơ sở lý luận	13
1.2.2. Cơ sở thực tiễn	17
1.3. Sự hình thành và phát triển của các quy định về giám đốc thẩm trong pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam	19
1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1988	19
1.3.2. Giai đoạn từ năm 1988 đến trước năm 2003	21
1.3.3. Giai đoạn từ năm 2003 đến nay	21
1.4. Giám đốc thẩm theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự một số nước trên thế giới	25
1.4.1. Cộng hòa Pháp	25
1.4.2. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	26
1.4.3. Liên bang Nga	26
Chương 2: NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ GIÁM ĐỐC THẨM DÂN SỰ	29
2.1. Các quy định về kháng nghị giám đốc thẩm	29

2.1.1. Các quy định về việc đề nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm	29
2.1.2. Các quy định về người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm	33
2.1.3. Các quy định về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm	34
2.1.4. Các quy định về trình tự, thủ tục kháng nghị giám đốc thẩm dân sự	41
2.2. Các quy định về phiên tòa giám đốc thẩm	48
2.2.1. Các quy định về chuẩn bị phiên tòa giám đốc thẩm	48
2.2.2. Các quy định những người tiến hành phiên tòa giám đốc thẩm và những người tham gia phiên tòa giám đốc thẩm	49
2.2.3. Các quy định về thủ tục phiên tòa giám đốc thẩm	53
2.2.4. Các quy định về phạm vi giám đốc thẩm	54
2.2.5. Các quy định về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm	56
2.2.6. Các quy định về quyết định giám đốc thẩm	60
Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIÁM ĐỐC THẨM VÀ KIẾN NGHỊ	63
3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định về giám đốc thẩm	63
3.1.1. Về thành tựu đạt được trong thực tiễn thực hiện các quy định về giám đốc thẩm	63
3.1.2. Những tồn tại trong việc thực hiện các quy định về giám đốc thẩm và nguyên nhân	65
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện và thực hiện chế định giám đốc thẩm trong pháp luật tổ tụng dân sự	91
3.2.1. Một số kiến nghị về lập pháp	92
3.2.2. Một số kiến nghị về việc thực hiện chế định giám đốc thẩm	96
KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	100

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chế định thừa kế là một trong những chế định đặc biệt quan trọng trong pháp luật dân sự nên trong bất kỳ Bộ luật dân sự (BLDS) nào, chế định thừa kế luôn chiếm vị trí trọng tâm. Ngay trong Hiến pháp - đạo luật gốc của hệ thống pháp luật Việt Nam, thừa kế được ghi nhận là một quyền cơ bản của công dân. Tại Điều 19 Hiến pháp năm 1959 quy định "Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền thừa kế tài sản tư hữu của công dân". Tiếp đó, Điều 27 Hiến pháp năm 1980 đã có sự kế thừa và sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn "...Pháp luật bảo hộ quyền thừa kế tài sản của công dân". Trải qua quá trình phát triển, Hiến pháp năm 1992 tiếp tục ghi nhận và khẳng định "...Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp và quyền thừa kế của công dân" (Điều 58). Trên tinh thần của Hiến pháp năm 1992 và kế thừa quy định của BLDS năm 1995, chế định thừa kế được ghi nhận trong BLDS năm 2005 đã có sự thay đổi tích cực, phù hợp với sự phát triển của xã hội và mang tính khả thi hơn. Những quy định về thừa kế trong BLDS năm 2005 được xem là kết quả vượt bậc của quá trình pháp điển hóa, không ngừng hoàn thiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến vấn đề thừa kế của công dân. Theo đó, chế định thừa kế được quy định bao gồm hai hình thức, đó là thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Trên thực tế thói quen lập di chúc của người Việt Nam vẫn chưa phổ biến do còn coi trọng các phong tục, tập quán, tình cảm giữa cha con, vợ chồng, anh em... Bên cạnh đó, có rất nhiều trường hợp lập di chúc nhưng bản di chúc này lại không có giá trị pháp lý vì không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật, chẳng hạn như vi phạm về chủ thể lập di chúc, hình thức di chúc, nội dung di chúc. Do đó, phần lớn các vụ việc thừa kế ở Việt Nam được giải quyết theo quy định về thừa kế theo pháp luật.

Trong quá trình xã hội hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Việt Nam đã thực sự chuyển mình và có những thay đổi toàn diện và sâu sắc về mọi mặt của đời sống. Theo đó, tài sản thuộc sở hữu cá nhân ngày càng đa dạng, phong phú cả về giá trị, số lượng, chủng loại, trong đó không phải tài sản nào pháp luật cũng có quy phạm điều chỉnh hay có thể dự liệu hết được.

Vấn đề thừa kế di sản cũng từ đó mà nảy sinh nhiều dạng tranh chấp phức tạp. Thực tiễn giải quyết các vụ án về tranh chấp thừa kế gặp phải không ít khó khăn, thậm chí phải xét xử nhiều lần ở nhiều cấp xét xử khác nhau gây tốn kém cả về thời gian và chi phí. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó phải kể đến các quy định của pháp luật về thừa kế nói chung và thừa kế theo pháp luật nói riêng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau là tiền đề cho việc áp dụng không nhất quán.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả quyết định chọn đề tài "***Thừa kế theo pháp luật - một số vấn đề lý luận và thực tiễn***" làm luận văn thạc sĩ Luật học. Đây là một đề tài có ý nghĩa quan trọng trên cả phương diện lý luận cũng như thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu về đề tài

Qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu khoa học về pháp luật thừa kế đã có nhiều công trình, bài viết về vấn đề thừa kế nói chung và thừa kế theo pháp luật nói riêng, có thể chia thành ba nhóm lớn như sau:

- **Nhóm luận văn, luận án:** ở nhóm này có thể liệt kê một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như Luận án tiến sĩ luật học "*Thừa kế theo pháp luật của công dân Việt Nam từ năm 1945 đến nay*" đã được tác giả Phùng Trung Tập bảo vệ thành công năm 2002. Hay Luận án tiến sĩ luật học "*Cơ sở lý luận và thực tiễn của những quy định chung về thừa kế trong Bộ luật Dân sự*" của tác giả Nguyễn Minh Tuấn. Luận văn thạc sĩ luật học với tựa đề "*Thừa kế theo pháp luật của cháu, chất theo quy định của pháp luật Việt Nam*" của Lê Đức Bền. Những đề tài trên đều có phạm vi nghiên cứu rất rộng, mang tính khái quát cao.

- **Nhóm sách giáo trình, sách chuyên khảo:** ở nhóm này, trước tiên phải kể đến cuốn sách chuyên khảo "*Luật Thừa kế Việt Nam*" của Tiến sĩ Phùng Trung Tập và cuốn "*Pháp luật thừa kế của Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*" của tác giả Nguyễn Minh Tuấn. Hầu hết các công trình này mới chỉ dừng lại ở việc phân tích, bình luận các quy định của pháp luật thừa kế chứ chưa hoặc ít đề cập đến thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về vấn đề trên.

- **Nhóm các bài báo, tạp chí chuyên ngành luật:** Các bài nghiên cứu thuộc nhóm này chủ yếu được đề cập trên các tạp chí như Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí Luật học... Trong đó phải kể đến bài viết "*Hoàn thiện qui định về thừa kế trong Bộ luật Dân sự*" của tác giả Phạm Văn Tuyết; "*Về việc cháu, chất nội, ngoại thừa kế thế vị và hưởng di sản thừa kế theo hàng của ông, bà nội ngoại, các cụ nội, ngoại*" của tác giả Phùng Trung Tập...

Đây thực sự là những công trình có giá trị lớn trong cả khoa học lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu này hoặc đề cập đến những vấn đề mang tính khái quát chung về chế định thừa kế qua các thời kỳ hoặc chỉ đi sâu vào phân tích một quan hệ thừa kế nhất định chứ chưa nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về vấn đề thừa kế theo pháp luật hiện hành. Thừa kế theo pháp luật không phải là đề tài mới nhưng với sự thay đổi từng ngày từng giờ của các quan hệ xã hội, quan hệ tài sản đòi hỏi phải có những quy phạm pháp luật mới để điều chỉnh. Do đó, việc nghiên cứu kịp thời để có hướng đề xuất các qui định pháp luật điều chỉnh vấn đề này cho phù hợp với thực tiễn là hết sức cần thiết.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

❖ Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài nhằm làm rõ loại hình thừa kế di sản tuân theo các nguyên tắc, điều kiện, trình tự và thủ tục do pháp luật quy định, mà không phụ thuộc vào sự định đoạt ý chí của người có tài sản để lại. Đó chính là việc vừa hệ thống hóa các quy phạm pháp luật thừa kế Việt Nam theo quá trình hình thành và phát triển từ năm 1945 đến nay, vừa phân tích và đánh giá hiệu quả điều chỉnh của chế định pháp luật này qua các thời kỳ phát triển của xã hội Việt Nam, từ đó một mặt góp phần hoàn chỉnh lý luận khoa học đối với chế định pháp luật quan trọng này, mặt khác, giải quyết tốt vấn đề lý luận cũng giúp cho việc thi hành, áp dụng cũng như hoàn thiện các qui định về thừa kế theo pháp luật, nâng cao hiệu quả điều chỉnh của chúng.

❖ Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những nội dung chủ yếu sau:

- Những vấn đề lý luận liên quan đến các qui định về thừa kế theo pháp luật, bao gồm làm rõ khái niệm thừa kế theo pháp luật, phân tích tiến trình phát triển của pháp luật Việt Nam về thừa kế theo pháp luật đồng thời có sự so sánh giữa thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc để rút ra được đặc trưng của mỗi hình thức và để có thể nhìn nhận vấn đề thừa kế một cách toàn diện.

- Xác định diện thừa kế và hàng thừa kế theo pháp luật.

- Xác định điều kiện, các trường hợp được hưởng thừa kế thế vị.

- Tìm hiểu những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn và đề xuất cách thức giải quyết, góp phần hoàn thiện pháp luật về thừa kế theo pháp luật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

❖ Đối tượng nghiên cứu

Luận văn chủ yếu nghiên cứu các qui định của pháp luật hiện hành về thừa kế theo pháp luật và một số công trình nghiên cứu cũng như những vụ việc cụ thể có liên quan đến vấn đề này.

❖ Phạm vi nghiên cứu

- Luận văn nghiên cứu các qui định của pháp luật về thừa kế theo pháp luật trong một số văn bản pháp luật như: BLDS năm 2005; BLDS năm 1995; Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2000; và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong đó, luận văn tập trung nghiên cứu các qui định về thừa kế theo pháp luật của công dân Việt Nam.

- Luận văn cũng nghiên cứu các qui định trong pháp luật của một số nước điều chỉnh về thừa kế theo pháp luật, có sự so sánh và đối chiếu với pháp luật thừa kế của Việt Nam, qua đó tham khảo, học hỏi, tiếp thu có chọn lọc những điểm phù hợp để bổ sung, hoàn thiện các qui định về thừa kế theo pháp luật trong BLDS Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của triết học Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong lĩnh vực thừa kế. Ngoài ra, để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn còn vận dụng, kết

hợp các phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê.

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát chung về thừa kế theo pháp luật.

Chương 2: Diện và hàng thừa kế theo pháp luật.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện những qui định về thừa kế theo pháp luật.

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật và các trường hợp thừa kế theo pháp luật

1.1.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật

Thừa kế theo pháp luật có thể được hiểu là: *Thừa kế theo pháp luật là sự dịch chuyển di sản của người chết cho người còn sống trên cơ sở quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân, quan hệ nuôi dưỡng hay quan hệ thân thuộc giữa người có tài sản để lại sau khi họ chết và người nhận di sản.*

1.1.2. Các trường hợp thừa kế theo pháp luật

- Không có di chúc.
- Di chúc không hợp pháp.
- Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế.
- Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền nhận di sản.
- Phần di sản không được định đoạt trong di chúc.
- Phần di sản có liên quan đến phần của di chúc không có hiệu lực.

- Phần di sản có liên quan đến người được thừa kế theo di chúc nhưng họ không có quyền hưởng di sản, từ chối quyền hưởng di sản, chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc.

- Phần di sản có liên quan đến cơ quan, tổ chức được hưởng di sản theo di chúc, nhưng không còn vào thời điểm mở thừa kế.

1.2. Tiến trình phát triển của pháp luật Việt Nam về thừa kế theo pháp luật

1.2.1. Trước năm 1945

➤ Qui định về thừa kế theo pháp luật trong Luật Hồng Đức

Những người thừa kế theo pháp luật gồm người có quan hệ huyết thống trực hệ với người để lại di sản. Căn cứ theo quy định tại Điều 374, 375, 376 thì di sản sẽ được chia theo nguyên tắc ưu tiên, trước hết là chia cho các con, không phân biệt con trai, con gái (hàng 1), nếu người chết không có con thì cha mẹ (hàng 2) được hưởng di sản thừa kế. Trường hợp không còn cha mẹ, di sản được chuyển cho người thừa tự, do họ hàng quyết định. Luật Hồng Đức ghi nhận con nuôi cũng có quyền thừa kế di sản của cha mẹ nuôi. Luật Hồng Đức quy định vợ, chồng không được thừa kế di sản của nhau ngoại trừ một số trường hợp để đảm bảo cho cuộc sống của người vợ góa, chồng góa.

➤ Qui định về thừa kế theo pháp luật trong Luật Gia Long

Thừa kế theo pháp luật được áp dụng khi không có chúc thư của người chết. Nếu cha mẹ không có chúc thư thì ông bà sẽ quản lý toàn bộ tài sản của các cháu, kể cả di sản thừa kế. Các cháu chỉ được nhận tài sản của mình khi ông bà chết. Di sản sẽ được chia đều cho các con trai không phân biệt con trai do thê thiếp sinh ra. Vì con gái không được quyền thừa kế nên trong trường hợp người để lại di sản không có con trai thì các cháu trai thúc bá sẽ được hưởng di sản.

➤ Qui định về thừa kế theo pháp luật dưới thời Pháp thuộc

Chế định thừa kế trong Dân luật Bắc kỳ năm 1931 và Dân luật Trung Kỳ năm 1936 được quy định tương đối giống nhau. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản ngang nhau. Người thừa kế hàng thứ nhất là các con. Con trai, con gái được chia di sản bằng nhau. Trong trường

hợp người chết không có con thì di sản chia cho cha, mẹ. Nếu không còn cha, mẹ thì di sản chia cho cháu ruột bên nội. Nếu không có cháu ruột thì chia cho anh, chị em ruột.

1.2.2. Từ năm 1945 đến nay

Ngày 10/10/1945, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh cho phép áp dụng luật lệ của chế độ cũ, trong đó có những qui định về thừa kế. Tiếp đó, Sắc lệnh số 97/SL quy định vợ, chồng có quyền thừa kế tài sản của nhau; con trai, con gái đều có quyền hưởng di sản thừa kế của bố, mẹ; người chồng góa hay người vợ góa, các con đã thành niên có quyền xin chia tài sản thuộc quyền sở hữu của người chết, sau khi đã thanh toán tài sản chung.

Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980 ra đời tiếp tục ghi nhận quyền thừa kế tài sản của công dân. Ngày 24/7/1981, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 81/TANDTC trong đó quy định hai hàng thừa kế.

Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 ra đời đã mở rộng phạm vi những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật. Trên cơ sở đó, hàng thừa kế được chia làm ba hàng.

Bộ luật Dân sự năm 1995 ra đời là một bước tiến quan trọng trong quá trình lập pháp ở Việt Nam. Những quy định này đã củng cố quyền sở hữu và quyền thừa kế tài sản của công dân phù hợp với công cuộc đổi mới của đất nước. Tuy nhiên, nhiều quy định đã bị lạc hậu so với sự phát triển của các hoạt động kinh tế và các giao lưu trong đời sống xã hội. BLDS năm 2005 đã ra đời để thay thế BLDS năm 1995. Các qui định về thừa kế theo pháp luật trong BLDS năm 2005 đã có sự sửa đổi, bổ sung, quy định cụ thể hơn.

1.3. Phân biệt thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật

Giống nhau: đều là sự dịch chuyển tài sản của người đã chết cho người còn sống và người để lại di sản thừa kế đều là cá nhân.

Khác nhau:

- Về ý chí của người để lại tài sản:

+ Thừa kế theo di chúc: được thể hiện cụ thể trong những nội dung của di chúc.

+ Thừa kế theo pháp luật: Di sản được định đoạt theo quy định của pháp luật.

- Về người thừa kế:

+ Người thừa kế theo di chúc: người thừa kế theo di chúc có thể là bất kỳ ai được chỉ định trong di chúc. Không áp dụng qui định về thừa kế thế vị trong trường hợp thừa kế theo di chúc.

+ Người thừa kế theo pháp luật: Người thừa kế theo pháp luật chỉ có thể là cá nhân và có mối quan hệ về hôn nhân hoặc huyết thống hoặc nuôi dưỡng với người chết. Thừa kế thế vị được áp dụng trong hình thức thừa kế theo pháp luật.

- Cách thức phân chia di sản:

+ Thừa kế theo di chúc: tùy thuộc vào sự phân định di sản của người lập di chúc, người thừa kế có thể được hưởng nhiều hoặc ít hoặc toàn bộ di sản thừa kế.

+ Thừa kế theo pháp luật: những người cùng một hàng thừa kế thì được hưởng phần di sản ngang nhau.

- Thứ tự ưu tiên:

Thừa kế theo pháp luật chỉ được thực hiện trong trường hợp người chết không để lại di chúc hoặc di chúc không có giá trị pháp lý và các trường hợp khác.

1.4. Quy định của một số quốc gia về thừa kế theo pháp luật

1.4.1. Pháp luật về thừa kế theo pháp luật trong Bộ luật Dân sự Pháp

Thừa kế theo pháp luật được áp dụng "trong trường hợp người để lại di sản không định đoạt tài sản bằng tặng cho hoặc di tặng" (Điều 721).

Căn cứ theo quy định của BLDS Pháp thì những người được hưởng thừa kế theo pháp luật bao gồm: Người thân thích và vợ hoặc chồng của người chết với điều kiện còn sống, không ly hôn và không có bản án ly thân đã có hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở diện thừa kế, BLDS Pháp chia thành 4 hàng thừa kế. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước.

Trong một hàng thừa kế, những người ở bậc thừa kế gần hơn sẽ được hưởng thừa kế, những người ở cùng bậc sẽ được hưởng suất thừa kế bằng nhau.

1.4.2. Pháp luật dân sự và thương mại Thái Lan

Di sản theo quy định của BLDS và Thương mại Thái Lan được xác định bao gồm mọi tài sản, quyền tài sản, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Pháp luật thừa kế của Thái Lan chia làm 6 hàng thừa kế. Hàng thừa kế xen kẽ với bậc thừa kế, thừa kế theo bậc được thực hiện khi người thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản đã chết trước hoặc chết cùng một thời điểm với người để lại di sản thì các con (các cháu) của người đó được hưởng di sản, họ được gọi là người thừa kế đại diện.

Chương 2

DIỆN VÀ HÀNG THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT

2.1. Căn cứ xác định diện thừa kế theo pháp luật

2.1.1. Quan hệ hôn nhân

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì "hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn". Vợ và chồng thuộc diện thừa kế theo pháp luật của nhau khi quan hệ hôn nhân của họ tính đến thời điểm mở thừa kế của người vợ hoặc người chồng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Để có thể được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp thì việc kết hôn phải tuân thủ các điều kiện và thủ tục do pháp luật quy định. Hôn nhân hợp pháp phải đảm bảo cả về mặt nội dung lẫn hình thức nghĩa là phải đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn.

Trên thực tế, có một số trường hợp do điều kiện, hoàn cảnh khách quan nên vẫn tồn tại những quan hệ hôn nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện kết hôn nhưng lại vi phạm thủ tục đăng ký kết hôn. Thực trạng này đã được giải quyết theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "Trong thực tế vẫn có không ít trường hợp kết hôn không có đăng ký. Việc này tuy có vi phạm về thủ tục kết hôn nhưng không coi là việc kết hôn trái pháp luật, nếu việc kết hôn không trái với các điều 5, 6, 7".

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000, hướng dẫn giải quyết các trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

như sau: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích kết hôn và quan hệ vợ chồng được công nhận kể từ ngày bắt đầu chung sống như vợ. Nếu nam, nữ sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật HN&GD năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật HN&GD năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Kể từ sau ngày 01/01/2003 họ mới đăng ký kết hôn thì quan hệ vợ chồng của họ được xác lập kể từ ngày họ đăng ký kết hôn.

Việc thừa nhận hôn nhân thực tế chỉ mang tính tạm thời để giải quyết thấu tình đạt lý những trường hợp do hoàn cảnh khách quan mang lại. Hiện nay, khi Luật HN&GD năm 2000 có hiệu lực, hôn nhân thực tế không được thừa nhận nữa. Vì vậy, việc hai bên nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn sẽ không làm phát sinh quan hệ vợ chồng nên không thuộc diện thừa kế theo pháp luật của nhau.

2.1.2. Quan hệ huyết thống

Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc bàng hệ được xác định thông qua sự kiện sinh đẻ.

Xuôi theo dòng phát triển của pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ cho đến nay, phạm vi các đối tượng thuộc diện thừa kế theo pháp luật xác định trên cơ sở quan hệ huyết thống theo quy định tại BLDS năm 2005 là đầy đủ và mở rộng nhất. Trước hết phải kể đến mối quan hệ giữa con và cha mẹ. Quyền thừa kế theo pháp luật của con không phụ thuộc vào hình thức hôn nhân của cha, mẹ đẻ. Các con đẻ của người để lại di sản, không phân biệt con trai, con gái, con trong giá thú hay con ngoài giá thú, có năng lực hành vi dân sự hay không đều thuộc diện thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản.

Để đảm bảo quyền và lợi ích về tài sản cũng như lợi ích về nhân thân của cá nhân, việc xác định quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và các con là hết sức cần thiết. Khoản 1 Điều 63 Luật HN&GD năm 2000 quy định "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ đó là

con chung của vợ chồng. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận cũng là con chung của vợ chồng". Việc xác định cha, mẹ, con không những là cơ sở để xác định quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con đối với nhau trong quan hệ nhân thân mà còn là cơ sở để xác định diện thừa kế giữa cha, mẹ và con khi một trong các bên chết.

2.1.3. Quan hệ nuôi dưỡng

Theo quy định của pháp luật hiện hành, diện thừa kế được xác định trên cơ sở quan hệ nuôi dưỡng bao gồm quan hệ giữa cha mẹ nuôi với con nuôi và ngược lại và trường hợp con riêng với bố dượng, mẹ kế nếu đáp ứng điều kiện nhất định.

Trước hết, xét quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi. Theo quy định tại Điều 678 BLDS năm 2005 thì "Con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 676 và 677 của Bộ luật này". Mối quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi được xác lập trên sự kiện nuôi con nuôi. Việc nhận nuôi con nuôi dựa trên ý chí chủ quan của các chủ thể tham gia quan hệ nuôi con nuôi. Theo nguyên tắc chung thì "Người được nhận làm con nuôi phải dưới 16 tuổi. Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng" (Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010). Người nhận nuôi con nuôi phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Việc nhận nuôi con nuôi phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ghi vào sổ hộ tịch. Con nuôi có đầy đủ quyền như con đẻ và được coi là người thừa kế ở hàng thứ nhất của cha, mẹ nuôi.

Quan hệ thừa kế được xác định dựa trên cơ sở quan hệ nuôi dưỡng còn bao gồm quan hệ giữa con riêng với bố dượng, mẹ kế. Theo quy định tại Điều 679 BLDS năm 2005 thì pháp luật về thừa kế chỉ thừa nhận con riêng và bố dượng, mẹ kế thuộc diện thừa kế theo pháp luật của nhau khi và chỉ khi đáp ứng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con. Quy định này còn mang tính chủ quan, chung chung.

Tóm lại, ngoài ba quan hệ: hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng với người để lại di sản thì không có bất cứ quan hệ nào khác để xác định diện thừa kế theo pháp luật.

2.2. Hàng thừa kế theo pháp luật

Hàng thừa kế có thể được hiểu như sau: *Hàng thừa kế là nhóm những người có quan hệ cùng tính chất gần gũi với người để lại di sản thừa kế và theo đó những người trong cùng một hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.*

2.2.1. Số lượng các hàng thừa kế và nguyên tắc phân chia người thừa kế theo các hàng thừa kế

Như đã phân tích ở trên, pháp luật thừa kế của một số quốc gia có những quy định khác nhau về hàng thừa kế cũng như những người thuộc cùng một hàng thừa kế. BLDS Pháp chia thành 4 hàng và 6 bậc thừa kế, BLDS và Thương mại Thái Lan phân chia làm 6 hàng thừa kế trong khi đó, BLDS của Nhật Bản lại chia làm 3 hàng thừa kế. Nhìn chung, pháp luật về thừa kế của các quốc gia nói trên đều coi trọng quan hệ huyết thống hơn cả.

Pháp luật về thừa kế của Việt Nam quy định 3 hàng thừa kế và những người thuộc cùng một hàng thừa kế bao gồm cả những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân và quan hệ nuôi dưỡng với người để lại di sản.

2.2.2. Hàng thừa kế thứ nhất

Bộ luật Dân sự hiện hành quy định ba hàng thừa kế theo pháp luật tại Điều 676. Theo đó, hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất dựa trên cả ba mối quan hệ bao gồm quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng. Trong đó, những người ở bề trên gồm có: ông, bà; ngang bậc gồm có: vợ, chồng và bề dưới bao gồm: các con. Theo quy định của pháp luật hiện hành, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc nhau, là giám hộ và đại diện đương nhiên của nhau khi thỏa mãn các điều kiện luật định.

Quan hệ thừa kế giữa vợ và chồng là mối quan hệ mang tính đối nhau, nghĩa là bên này chết thì bên kia thuộc hàng thừa kế thứ nhất và ngược lại. Căn cứ để xác định quan hệ thừa kế giữa vợ và chồng là quan hệ hôn nhân như với các điều kiện như được phân tích tại mục 2.1.1. Bên cạnh đó, cần lưu ý trường hợp cán bộ, bộ đội miền Nam đã có vợ hoặc chồng ở miền Nam, tập kết ra Bắc (năm 1954) lại lấy vợ hoặc chồng khác.

Theo quy định tại Điều 676 BLDS năm 2005 thì con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi của người chết để lại di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Chỉ những trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và ghi vào sổ hộ tịch hoặc có đăng ký việc nuôi con nuôi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới phát sinh quan hệ cha mẹ và con trước pháp luật.

2.2.3. Hàng thừa kế thứ hai

Hàng thừa kế thứ hai bao gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại.

Hàng thừa kế thứ hai còn bao gồm anh, chị, em ruột của người chết. Anh ruột, chị ruột, em ruột là anh, chị, em cùng mẹ hoặc cùng cha. Quan hệ thừa kế này được hình thành theo một căn cứ duy nhất là quan hệ huyết thống, bao gồm những người có quan hệ huyết thống trực hệ cùng một đời.

Nếu anh hoặc chị hoặc cả anh chị chết thì em ruột sẽ là người thuộc hàng thừa kế thứ hai đối với di sản của anh, chị đã chết và ngược lại. Như đã chỉ ra ở trên, con nuôi không đương nhiên trở thành anh, chị, em của con đẻ của người nuôi nên giữa con nuôi và con đẻ không phải là người thừa kế theo pháp luật của nhau.

Tương tự như những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, những người thừa kế thuộc hàng thứ hai cũng được hưởng phần di sản bằng nhau, không phân biệt là người bề trên, người bề dưới hay người cùng bậc với người để lại di sản.

2.2.4. Hàng thừa kế thứ ba

Hàng thừa kế thứ ba được quy định để dự liệu trường hợp cả hai hàng trên không còn người thừa kế. Những người thừa kế ở hàng thứ ba được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 676 BLDS năm 2005, bao gồm "cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại". Có thể nhận thấy, những người ở hàng thừa kế thứ ba gồm nhiều thế hệ và nhiều bậc trên - dưới khác nhau theo quan hệ huyết thống.

So sánh với quy định tương ứng trong BLDS năm 1995, cũng giống như trường hợp giữa ông bà và cháu, BLDS năm 1995 không xếp chặt là hàng thừa kế thứ ba của cụ nội, cụ ngoại. Đến BLDS năm 2005 đã có sự bổ sung, khắc phục những hạn chế của những quy định trước đó, ghi nhận chặt thuộc hàng thừa kế thứ ba của cụ nội, cụ ngoại.

Trong thực tiễn cuộc sống, cách xưng hô trong gia đình người Việt Nam rất phong phú và tinh tế, thể hiện nét đặc trưng của mỗi vùng miền. Mặc dù cách xưng hô ở các vùng miền có sự khác nhau nhưng đều chỉ chung một chủ thể và do đó phải tuân thủ theo quy định chung của pháp luật.

Như vậy, khi chia thừa kế theo pháp luật, những người thừa kế trong cùng một hàng sẽ được hưởng phần di sản bằng nhau và theo thứ tự ưu tiên tuyệt đối giữa các hàng. Trên thực tế rất hiếm trường hợp những người ở hàng thứ ba được hưởng thừa kế và việc lập hồ sơ đối với hàng thừa kế thứ ba gặp nhiều khó khăn so với việc lập hồ sơ đối với hàng thừa kế thứ nhất và thứ hai.

2.3. Thừa kế thế vị

2.3.1. Khái niệm thừa kế thế vị và đặc điểm của thừa kế thế vị

Thừa kế thế vị được hiểu là việc cháu (chắt) được thay thế vị trí của cha hoặc mẹ (ông hoặc bà) để hưởng di sản của ông hoặc bà (cụ) trong trường hợp cha hoặc mẹ (ông hoặc bà) đã chết trước hoặc chết cùng một thời điểm với ông hoặc bà (cụ).

Từ định nghĩa nêu trên, có thể rút ra một số đặc điểm cơ bản của thừa kế thế vị như sau:

- Thừa kế thế vị chỉ phát sinh trong quan hệ thừa kế theo pháp luật.
- Thừa kế thế vị được quy định để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cháu, chắt trong trường hợp cha, mẹ của cháu, chắt chết trước hoặc chết cùng thời điểm với ông bà hoặc các cụ.
- Thừa kế thế vị phát sinh trên cơ sở quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng giữa người để lại di sản với con cháu của người đó.
- Thừa kế thế vị có mối quan hệ mật thiết với thừa kế theo hàng.

2.3.2. Các trường hợp thừa kế thế vị

Thứ nhất, cháu thế vị cha hoặc mẹ để hưởng di sản của ông bà.

Cháu sẽ được thay thế vị trí của cha mẹ để hưởng di sản của ông bà trong trường hợp cha đẻ chết trước hoặc chết cùng một thời điểm với ông nội hoặc bà nội thì con được thay thế vị trí của cha để hưởng di sản mà cha mình được hưởng nếu còn sống. Trong trường hợp mẹ đẻ chết trước hoặc cùng thời điểm với ông ngoại hoặc bà ngoại thì con được thay thế vị trí của mẹ để hưởng phần di sản mà mẹ mình được hưởng nếu còn sống.

Thứ hai, chất thế vị cha hoặc mẹ của chất để hưởng di sản của cụ.

Chất sẽ được thay thế vị trí của cha hoặc mẹ của chất để hưởng di sản của cụ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, trường hợp con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản, cháu của người để lại di sản cũng chết trước người để lại di sản nhưng chết sau con của người để lại di sản thì chất của người để lại di sản sẽ được hưởng phần di sản mà cháu của người để lại di sản được hưởng nếu còn sống vào thời điểm người để lại di sản chết.

Thứ hai, trường hợp con, cháu của người để lại di sản đều chết cùng thời điểm với người để lại di sản thì chất được hưởng phần di sản mà cháu của người để lại di sản được hưởng nếu còn sống vào thời điểm mở thừa kế.

Thứ ba, trường hợp con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản, cháu của người để lại di sản chết sau con của người để lại di sản nhưng chết cùng thời điểm với người để lại di sản thì chất được hưởng phần di sản mà cháu của người để lại di sản được hưởng nếu còn sống vào thời điểm mở thừa kế.

Trường hợp con của người để lại di sản không được quyền hưởng di sản của người để lại di sản và cháu của người để lại di sản chết trước người để lại di sản thì chất cũng không được thế vị cháu để hưởng thừa kế đối với di sản của người để lại di sản (nếu người để lại di sản không còn người thừa kế di sản ở hàng thứ nhất).

2.4. Di sản thừa kế theo pháp luật và chia di sản thừa kế

2.4.1. Di sản thừa kế theo pháp luật

Theo Điều 634 BLDS năm 2005 thì "Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác".

Như vậy, di sản thừa kế là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp, quyền về tài sản của người đã chết (gồm cả quyền sử dụng đất) mà không bao gồm các nghĩa vụ tài sản của người đó và được chuyển dịch hợp pháp cho những người thừa kế có quyền hưởng.

Di sản thừa kế theo pháp luật được xác định như sau:

- Tài sản riêng của người chết.
- Phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác

2.4.2. Chia di sản thừa kế theo pháp luật

Phân chia di sản theo pháp luật không dựa vào ý chí của người để lại di sản mà phân chia theo ý chí của Nhà nước đồng thời có tính đến sự thỏa thuận của những người thừa kế, theo đó, người được hưởng thừa kế chỉ có thể là cá nhân, xét theo hàng thừa kế và phần di sản được hưởng ngang nhau.

Theo tinh thần tại khoản 2 Điều 685 BLDS năm 2005, khi tiến hành phân chia di sản theo pháp luật, những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật. Đối với trường hợp vật không chia được thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật, nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia.

2.4.3. Những trường hợp mới phát sinh khi chia di sản thừa kế theo pháp luật

Thứ nhất, trường hợp có người thừa kế mới.

Người thừa kế mới được hiểu là sau khi di sản được phân chia mới xuất hiện người thừa kế này. Trước hết phải kể đến trường hợp những người thừa kế dành lại một suất di sản cho người thừa kế cùng hàng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết được sinh ra và còn sống sau khi người để lại di sản chết, nhưng sau đó lại xảy ra sự kiện sinh đôi hoặc sinh ba... Hoặc trường hợp bản án, quyết định của Tòa án xác nhận một người là cha, mẹ, con của người chết nhưng bản án, quyết định này có hiệu lực sau thời điểm phân chia di sản thừa kế.

Trên thực tế có thể phát sinh trường hợp cha, mẹ, con của người để lại di sản bị Tòa án ra quyết định tuyên bố là đã chết, sau khi phân chia xong di

sản, người đó lại trở về. Đối với tình huống này, theo khoản 3 Điều 83 BLDS năm 2005 thì "Người bị tuyên bố là đã chết mà còn sống có quyền yêu cầu những người đã nhận tài sản thừa kế trả lại tài sản, giá trị tài sản hiện còn". Như vậy, người hưởng di sản thừa kế của người bị tuyên bố là đã chết sau đó lại trở về có nghĩa vụ hoàn trả cho người trở về phần tài sản, giá trị tài sản hiện còn.

Thứ hai, trường hợp người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế.

Người bị bác bỏ quyền thừa kế được xác định trong trường hợp họ không có quyền hưởng thừa kế do vi phạm khoản 1 Điều 643 BLDS năm 2005 (được phát hiện sau khi chia thừa kế) hoặc có thể xảy ra trong trường hợp người thừa kế theo di chúc đã nhận di sản thừa kế được chia nhưng sau đó phần di chúc liên quan đến người này bị xác định là vô hiệu.

Người thừa kế đã nhận di sản mà sau đó bị bác bỏ quyền thừa kế thì người này phải trả lại di sản hoặc thanh toán khoản tiền tương đương với giá trị di sản được hưởng tại thời điểm chia thừa kế cho những người thừa kế hoặc phương thức trả lại được xác định theo sự thỏa thuận của những người thừa kế và người bị bác bỏ quyền thừa kế.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN NHỮNG QUI ĐỊNH VỀ THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT

3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật

3.1.1. Thực tiễn giải quyết các tranh chấp về thừa kế theo pháp luật trong những năm gần đây

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao về vấn đề thụ lý và giải quyết các vụ việc về thừa kế trong 5 năm gần đây (từ năm 2008 đến năm 2012) thì số lượng vụ án tranh chấp về thừa kế chiếm tỷ lệ khá cao. Trên thực tế, có rất nhiều vụ án tranh chấp về thừa kế phải trải qua nhiều cấp xét xử, có vụ án kéo dài đến hàng chục năm.

3.1.2. Nguyên nhân

*** Về mặt khách quan:**

- Các qui định của pháp luật thừa kế còn chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ.
- Sự thay đổi về chính sách đất đai cụ thể là việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm trễ, chưa rõ ràng khiến cho việc xác định người thừa kế và di sản không thuận lợi.
- Xuất phát từ công tác điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ còn gặp nhiều khó khăn do những vụ án tranh chấp thừa kế thường liên quan đến rất nhiều thế hệ có thể cư trú ở nhiều nơi khác nhau, tài sản cũng phong phú đa dạng và phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau.
- Nhận thức của người dân về pháp luật thừa kế còn hạn chế.
- Do điều kiện kinh tế, xã hội Việt Nam có nhiều đặc thù.

*** Về mặt chủ quan:**

Thứ nhất, công tác xét xử của Tòa án còn rất nhiều thiếu sót, hạn chế

Thứ hai, công tác theo dõi, quản lý nhà ở, đất đai còn lỏng lẻo, chồng chéo dẫn đến việc xác minh gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các Thẩm phán cũng còn nhiều hạn chế.

3.1.2. Một số vấn đề còn tồn tại trong các qui định về thừa kế theo pháp luật theo Bộ luật Dân sự hiện hành

Về người thừa kế từ chối nhận di sản:

Theo quy định tại Điều 642 BLDS năm 2005, pháp luật dành cho người thừa kế quyền từ chối nhận di sản. Tuy nhiên, việc từ chối nhận di sản buộc phải trải qua nhiều thủ tục như phải được lập thành văn bản, phải báo cho những người thừa kế khác... và phải được thể hiện trong thời hạn từ chối nhận di sản là 6 tháng kể từ ngày mở thừa kế. Quy định này đã làm phức tạp hóa vấn đề và không phù hợp với thực tế.

Trường hợp con sinh ra theo phương pháp khoa học

Theo các qui định hiện hành của BLDS năm 2005, vấn đề thừa kế trong trường hợp con được sinh ra theo phương pháp khoa học chưa được ghi nhận cụ thể.

Về vấn đề thừa kế thế vị

Để bảo vệ quyền hưởng di sản của cháu và chất khi bản thân họ không bị Tòa án tước quyền hưởng di sản, không bị người để lại di sản tước quyền hưởng di sản, họ có năng lực pháp luật để thừa hưởng di sản thì nên cho họ được hưởng thừa kế thế vị, dù cho cha mẹ của họ trước khi chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 643 BLDS.

Theo quy định tại Điều 679 BLDS năm 2005, con riêng và cha dượng, mẹ kế được thừa kế theo pháp luật của nhau và con của người đó còn được thừa kế thế vị trong trường hợp người con riêng đó chết trước cha dượng, mẹ kế. Điều kiện để con riêng và cha kế, mẹ kế được thừa kế theo pháp luật của nhau nếu họ có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con. Tuy nhiên, cần phải hiểu và dựa trên những tiêu chí nào để đánh giá có sự chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì pháp luật lại chưa có quy định cụ thể.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện các qui định của pháp luật về thừa kế theo pháp luật

3.2.1. Yêu cầu chung

Thứ nhất, phải đảm bảo được sự phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng ở nước ta hiện nay, phát huy được tính tích cực của quy định về thừa kế theo pháp luật.

Thứ hai, phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Thứ ba, phải đảm bảo tính khả thi của các quy phạm pháp luật trên thực tế.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các qui định của pháp luật về thừa kế theo pháp luật

Thứ nhất, về thời hạn từ chối nhận di sản thừa kế.

Quan điểm của tác giả cho rằng, để đảm bảo và tôn trọng quyền tự định đoạt tài sản của người thừa kế, phù hợp với phong tục tập quán của người Việt Nam, pháp luật nên quy định thời hạn cuối cùng của sự từ chối nhận di sản là thời điểm chia di sản

Thứ hai, thừa kế theo pháp luật trong trường hợp con sinh ra theo phương pháp khoa học.

Theo chúng tôi, cần quy định trong trường hợp con sinh ra theo phương pháp khoa học thì giữa con và cha, mẹ thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

được xác định như cha mẹ đối với con đẻ và họ có quyền thừa kế di sản của nhau. Người con sinh ra theo phương pháp khoa học không được quyền yêu cầu thừa kế, quyền được nuôi dưỡng đối với người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi.

Thứ ba, hoàn thiện các qui định về thừa kế thế vị.

- Trường hợp vi phạm khoản 1 Điều 634 BLDS 2005.

Thiết nghĩ nên sửa đổi lại quy định tại Điều 677 BLDS 2005, theo đó, điều kiện để các cháu, chất được thừa kế thế vị của cha, mẹ mình nhận di sản của người để lại di sản chỉ cần quy định điều kiện cha hoặc mẹ của cháu chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người để lại di sản, trừ khi chính con, cháu họ cũng vi phạm khoản 1 Điều 643 BLDS 2005.

- Trường hợp thừa kế thế vị có yếu tố con nuôi.

Khoản 4, Điều 24 Luật Nuôi con nuôi 2010 cần được sửa đổi bổ sung theo hướng nếu giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận gì khác thì kể từ ngày giao nhận con nuôi, quan hệ giữa cha mẹ đẻ và gia đình huyết thống người con được cho làm con nuôi không còn quyền và nghĩa vụ pháp lý gì với nhau; và quy định tại Điều 678 BLDS 2005 cũng cần được bổ sung theo hướng: con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật thì có quyền hưởng thừa kế di sản của nhau và được hưởng thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 677 của BLDS.

- Trường hợp con riêng với cha dượng, mẹ kế.

Quan hệ thừa kế giữa con riêng và cha dượng, mẹ kế phát sinh dựa trên cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc nhau như cha con, mẹ con. Có thể hiểu, con riêng và cha dượng, mẹ kế chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con khi giữa họ thể hiện những hành vi được quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Luật HN&GD năm 2000.

- Trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học.

Trong trường hợp người chồng đã gửi tinh trùng vào ngân hàng tinh trùng, sau đó chết, người vợ vẫn muốn tiếp tục việc sinh con nên đã lấy tinh trùng để thụ thai và sinh ra đứa trẻ. Nếu người chồng chết trước hoặc chết cùng một thời điểm với bố, mẹ chồng thì đứa trẻ được sinh ra có được thừa

kế thế vị hay không? Thiết nghĩ pháp luật nên quy định trường hợp này, đưa trẻ có quyền được thừa kế thế vị di sản của ông, bà nội. Theo đó, cần phải sửa đổi qui định về người thừa kế tại Điều 635 BLDS năm 2005 theo hướng trừ trường hợp con sinh ra theo phương pháp khoa học.

- Về số lượng hàng thừa kế và chủ thể trong từng hàng thừa kế

Pháp luật dân sự hiện hành của nước ta quy định giới hạn 3 hàng thừa kế trong đó các chủ thể được hưởng thừa kế trong mỗi hàng xuất phát từ nhiều mối quan hệ với người để lại di sản. Xuất phát từ mục đích của việc thừa kế là di chuyển tài sản của người chết cho những người gần gũi, thân thích nhất của người để lại di sản để duy trì và tiếp nối, thiết nghĩ pháp luật nước ta nên sửa đổi mở rộng số lượng hàng thừa kế theo thứ tự ưu tiên những người có quan hệ huyết thống trực hệ được hưởng trước, sau đó mới đến những người có quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng.

KẾT LUẬN

Quyền để lại di sản và quyền thừa kế là những quyền cơ bản của công dân và được pháp luật ghi nhận. Trong bất kỳ xã hội nào, vấn đề thừa kế cũng chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống pháp luật và bản thân nó cũng phản ánh phần nào bản chất của chế độ xã hội đó. Ở Việt Nam, quyền thừa kế của công dân được khẳng định ngay từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và được tiếp tục kế thừa, xây dựng ngày càng hoàn thiện hơn trong những giai đoạn sau. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra như vũ bão cùng với tác động của toàn cầu hóa khiến cho nhiều quan hệ xã hội bị xáo trộn hoặc phát sinh quan hệ mới đòi hỏi phải có quy phạm pháp luật phù hợp để điều chỉnh. Các quy định về thừa kế theo pháp luật đã phần nào phát huy được hiệu quả điều chỉnh nhưng vẫn còn có nhiều điểm hạn chế, cần sửa đổi bổ sung để phù hợp với thực tiễn.

Đề tài "*Thừa kế theo pháp luật - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*" đã được hoàn thành với những nội dung chủ yếu sau:

- Khái quát được khái niệm thừa kế theo pháp luật, phân tích các trường hợp được hưởng thừa kế theo pháp luật. Đồng thời, đề có được cái nhìn

khách quan, toàn diện về vấn đề thừa kế theo pháp luật, tác giả đã phân tích tiến trình phát triển của pháp luật Việt Nam về thừa kế theo pháp luật từ thế kỷ XV đến nay. Từ đó chỉ ra những điểm mới, tiến bộ trong các quy định về thừa kế qua từng giai đoạn và đưa ra những nhận định làm sáng tỏ quá trình hình thành và phát triển của pháp luật thừa kế. Luận văn còn tìm hiểu và phân tích các quy định về thừa kế theo pháp luật trong pháp luật của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới, một mặt để tìm ra những điểm tương đồng, hiểu được tại sao các quy định đó lại có sức sống lâu bền, mặt khác học hỏi và tiếp thu có chọn lọc những quy định tiến bộ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam.

- Phân tích, xác định diện và hàng thừa kế trên cơ sở quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân và quan hệ nuôi dưỡng. Đặc biệt là vấn đề thừa kế thế vị và các trường hợp mới phát sinh. Đồng thời, phân tích đan xen trong sự so sánh với các qui định của pháp luật trước đây để tìm ra các điểm hợp lý, tiến bộ cũng như những hạn chế cần khắc phục, sửa đổi.

- Trên cơ sở chỉ ra những nguyên nhân, những vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng các quy định về thừa kế theo pháp luật, tác giả đã đưa ra những kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật, khắc phục những khó khăn này, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng trên thực tế đồng thời cũng đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án khi xảy ra tranh chấp, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của người thừa kế.

Vấn đề thừa kế nói chung và thừa kế theo pháp luật nói riêng không phải là vấn đề mới nhưng nó lại luôn mang tính thời sự và phát sinh nhiều tình huống mới. Do đó, việc nghiên cứu và hoàn thiện các quy định về thừa kế theo pháp luật phải luôn được quan tâm và xem xét trong mối quan hệ qua lại với nhau, trong đó có việc phát sinh các mối quan hệ mới của đời sống xã hội.